

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2022

V/v: ly hôn và nuôi con giữa  
chị Lê Thị Mai L và anh Trần Văn

Q

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Bang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Minh Tân

2. Ông Ngô Kim Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lã Ngọc Tiên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ích Sáng – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mai L, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 1 Phú Ốc, phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 121/703 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1 Phú Ốc, phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện ngày 07-12-2021, bản tự khai ngày 20-12-2021, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Mai L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 03-11-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q chơi bời, không chịu làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy

ra và chạm. Vợ chồng đã cố gắng hoà giải để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 2 con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày 30-10-2000 và Trần Hoàng V, sinh ngày 24-7-2004. Cháu L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết về việc giao nuôi cháu L. Cháu V hiện đang ở với chị tại số nhà 121/703 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, thành phố Nam Định nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 28-12-2021, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian vợ chồng đăng ký như chị L trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng tháng 8-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn dẫn đến nợ nần. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hoà giải mâu thuẫn nhưng chưa có kết quả nên, vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ khoảng tháng 8-2020 đến nay. Nay chị L làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn nên anh không nhất trí ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L đã trình bày. Nếu vợ chồng không hoà giải đoàn tụ được thì cháu L đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết về việc giao nuôi cháu L. Còn cháu V hiện đang ở với chị L thì anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị cháu Trần Hoàng V trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn quan điểm của cháu muốn được ở với mẹ.

4. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 13-01-2022 được địa phương cư trú xác nhận: Chị L và anh Q có đăng ký kết hôn và hiện tại đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số 1 Phú Ốc, phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống chị L và anh Q có xảy ra mâu thuẫn nên chị L và các con đã chuyển đi nơi khác sinh sống, còn anh Q vẫn sinh sống tại tổ dân phố số 1 Phú Ốc, phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định. Chị L và anh Q có 02 con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày 30-10-2000 và Trần Hoàng V, sinh ngày 24-7-2004.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Mai L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Văn Q. Xét thấy, tranh chấp giữa chị L và anh Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L và anh Q đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số 1 Phú Ốc, phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

[1.2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai L và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị L và anh Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, không hòa hợp, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên hay xảy ra va chạm. Mặc dù anh chị đã cố gắng hoà giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân, chị L và các con thì ở tại số nhà 121/703 đường Trường Chinh, phường Hạ Long, còn anh Q ở tại tổ dân phố số 1 Phú Ốc, phường Lộc Hoà. Anh Q có quan điểm không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị L và cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Q.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị L và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mai L và anh Trần Văn Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày 30-10-2000 và Trần Hoàng V, sinh ngày 24-7-2004.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh Q đều thống nhất là cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về việc giao nuôi con chung đối với cháu L. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q trình bày sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu V. Tại đơn đề nghị cháu V trình bày nếu bố mẹ ly hôn quan điểm của cháu muốn được ở với mẹ. Xét thấy hiện nay cháu V đang ở với chị L ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hoàng V, và chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh Q không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mai L và anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng:

- Giao cho chị Lê Thị Mai L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Hoàng V, sinh ngày 24-7-2004; giới tính: Nam.

- Về cấp dưỡng: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mai L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị Mai L đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005086 ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mai L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lê Thị Mai L và anh Trần Văn Q có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP.Nam Định
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Trường Thi;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Bang**